

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HS-ST
Ngày 30-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thống.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Ngọc Ứng;

2. Ông Trần Duy Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, T hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Trần Minh T, sinh năm 1995, tại H, tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm M, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Trần Văn V, sinh năm 1976 (chết) và bà Lê Thị P, sinh năm 1970; chị, em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; vợ: Huỳnh Thị Y, sinh năm 2001; con: Chưa có; tiền sự: Chưa có; tiền án: Ngày 27/11/2018 bị Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh, xử phạt 03 năm tù giam về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/02/2021; nhân thân: Ngày 15/3/2017 bị Toà án nhân dân thị xã H (nay là Tòa án nhân dân thành phố H) ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng; tạm giữ: Không; Bắt tạm giam: Từ ngày 07/9/2022 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Huỳnh Văn L, sinh năm 1966, tại Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp W, xã B, huyện K, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: Ấp Bình Lý,

xã Bình Thạnh, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Huỳnh V, không rõ năm sinh (đã chết) và bà Lê I, không rõ năm sinh (đã chết); vợ: Nguyễn Thị O, sinh năm 1964; con: 03 người, người con lớn nhất sinh năm 1982, người con nhỏ nhất, sinh năm 1999; tiền sự: Chưa có; tiền án: Chưa có; tạm giữ: Ngày 06/5/2022; tạm giam: Từ ngày 11/5/2022 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người lợi, có quyền nghĩa vụ liên quan:*

1. Phạm Kim R, sinh năm 1993 (có mặt);

Nơi cư trú: xã F, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: khóm M, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Phạm Thị Bạch G, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Nơi cư trú: khóm 3, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 05/5/2022, Huỳnh Văn L điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 52L8-3126 đến nhà Trần Minh T, thuộc khóm M, phường A, thành phố H chơi. Tại đây T lấy cái nỏ (dụng cụ sử dụng ma túy) bên trong có ma túy cùng với L và Phạm Kim R (bạn gái T) sử dụng chung. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, lúc này L lấy ma túy được cất giấu bên trong chiếc khẩu R màu xám trắng đưa cho T và nói “thử hàng của chú xem sao”. T mở ra xem bên trong có chứa các hạt tinh thể rắn là ma túy đá sau đó đưa lại cho L và rủ L cùng với Phạm Kim R thuê phòng trọ để cùng sử dụng ma túy. Tại phòng trọ số 01, nhà trọ “Sáu Loan” thuộc khóm 3, phường A, thành phố H, cả 03 cùng sử dụng ma túy, ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy do T cung cấp. Đến khoảng 02 giờ sáng ngày 06/5/2022 cả 03 ra về thì bị Công an phường A, thành phố H phối hợp cùng Ban chỉ huy Quân sự phường tuần tra kiểm soát trật tự trên địa bàn thành phố yêu cầu dừng phương tiện kiểm tra. Qua kiểm tra, phát hiện bên trong cốp xe mang biển kiểm soát 52L8-3126 do Huỳnh Văn L điều khiển có 01 chiếc khẩu R màu xám trắng, bên trong khẩu R có 01 bịch nylon được hàn kín chứa các chất tinh thể rắn màu trắng (nghĩ là ma túy, chưa xác định được trọng lượng) nên T hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang, lực lượng Công an đã thu giữ: 01 (Một) bịch nylon màu trắng được hàn kín, bên trong chứa các chất tinh thể rắn màu trắng được quấn bằng khăn R màu xám trắng (nghĩ là ma túy, chưa xác định được trọng lượng), 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA màu xanh đã qua sử dụng, 01 (Một) xe mô tô mang biển số 52L8-3126 loại xe Dream màu nâu trắng, tiền Việt Nam 1.520.000 đồng. Đối với dụng cụ dùng để sử dụng ma túy, T vứt bỏ không xác định được vị trí nên không thu hồi được.

Quá trình điều tra, Trần Minh T và Phạm Kim R khai nhận khối lượng ma túy bị bắt quả tang thu giữ là của Huỳnh Văn L, do L đưa ma túy có đặc điểm nêu trên cho T sử dụng nhưng T không sử dụng và đưa lại cho L cất giấu, nguồn gốc ma túy do đâu L có T và R không biết. Ngoài ra, T khai nhận ma túy, bộ dụng cụ sử dụng ma túy tại nhà của T và nhà trọ Sáu Loan là của T cung cấp. Cả 03 gồm T, L và R cùng sử dụng chung.

Huỳnh Văn L khai nhận: Xe mô tô mang biển số 52L8-3126 loại xe Dream màu nâu trắng là của L, L là người trực tiếp quản lý và sử dụng ngoài ra không cho ai thuê, mượn. Tuy nhiên, không thừa nhận khối lượng ma túy cất giấu trong cốp xe là của L.

Tại bản kết luận giám định số: 373/KL-KTHS ngày 08/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự (KTHS) Công an tỉnh Đồng Tháp. Kết luận: “Tinh thể rắn chứa trong 01 bịch nylon hàn kín quấn bên ngoài bằng khăn R màu xám trắng, được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu PS3, mã số 093912 nêu trên gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 1,617 gam loại Methamphetamine.”.

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Minh T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Riêng bị cáo Huỳnh Văn L không thành khẩn và không thừa nhận hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số: 47/CT-VKSTPHN, ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Trần Minh T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Huỳnh Văn L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H thực hành quyền công tố khẳng định hành vi của bị cáo Trần Minh T đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Huỳnh Văn L đã phạm tội “Tàng

trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo bị cáo Trần Minh T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; truy tố bị cáo Huỳnh Văn L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Minh T mức hình phạt từ 07 năm đến 08 năm tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Văn L mức hình phạt từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 255 và khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đối với Phạm Kim R là người sử dụng chung ma túy với T và L, việc sử dụng là hoàn toàn tự nguyện, không bị đe dọa nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo L và T về tội “Cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy”, do đó không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) túi niêm phong ghi “Niêm phong số 387 ngày 06/5/2022” có đóng hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, có các chữ ký ghi họ tên: Võ Thị Thuý R, Tạ Hoài Trung, Nguyễn Phong Danh và Huỳnh Văn L; tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (Một) xe mô tô mang biển số 52L8-3126 loại xe Dream màu nâu trắng; trả lại cho bị cáo Huỳnh Văn L 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA màu xanh đã qua sử dụng và tiền Việt Nam 1.520.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Minh T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của mình đúng như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị cáo Huỳnh Văn L, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo khai nhận khối lượng ma túy lực lượng Công an bắt quả tang là của Huỳnh Văn L, do L đưa ma túy có đặc điểm nêu trên cho T sử dụng nhưng T không sử dụng và đưa lại cho L cất giấu, nguồn gốc ma túy do đâu L có T không biết.

Huỳnh Văn L khai nhận: Xe mô tô mang biển số 52L8-3126 loại xe Dream màu nâu trắng là của L, L là người trực tiếp quản lý và sử dụng ngoài ra không cho ai thuê, mượn. Tuy nhiên, L không thừa nhận khối lượng ma túy cất giấu trong cốp xe là của L, không thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Kim R khai nhận khối lượng ma túy lực lượng Công an bắt quả tang là của Huỳnh Văn L, do khi L đưa ma túy có đặc điểm nêu trên cho T sử dụng nhưng T không sử dụng và đưa lại cho L có R chứng kiến.

Bị cáo Trần Minh T thống nhất với nội dung luận tội của Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo Huỳnh Văn L không thừa nhận hành vi phạm tội, không thống nhất với nội dung luận tội của Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người T hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Minh T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát.

Bị cáo Trần Minh T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn thực hiện, cụ thể là bị cáo đã 02 lần cung cấp ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy để cho Huỳnh Văn L và Phạm Kim R cùng sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của T và nhà trọ Sáu Loan.

Căn cứ vào lời khai nhận của bị cáo Trần Minh T, lời khai của bị cáo Huỳnh Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Kim R đã đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Trần Minh T đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Phạm tội 02 lần trở lên;
- b) Đối với 02 người trở lên;...”

Đối với bị cáo Huỳnh Văn L khai nhận, xe mô tô mang biển số 52L8-3126 loại xe Dream màu nâu trắng là của L, L là người trực tiếp quản lý và sử dụng ngoài ra không cho ai thuê, mượn. Tuy nhiên, bị cáo L không thừa nhận khối lượng ma túy cất giấu trong cốp xe là của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào lời khai của bị cáo Trần Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Kim R xác định khối lượng ma túy khi bắt quả tang thu giữ là của bị cáo Huỳnh Văn L, do bị cáo L đưa ma túy có đặc điểm nêu trên cho bị cáo T sử dụng nhưng bị cáo T không sử dụng và giao lại cho bị cáo L cất giấu, nguồn gốc ma túy do đâu bị cáo L có thì bị cáo T và R không biết. Đồng thời căn cứ vào lời thừa nhận của bị cáo Huỳnh Văn L, xác định chiếc xe 52L8-3126 loại xe Dream màu nâu trắng khi Công an bắt quả tang có cất giấu trái phép trong ma túy trong cốp xe là của L, L là người trực tiếp quản lý, sử dụng ngoài ra không cho ai thuê, mượn. Từ các căn cứ trên xác định số lượng ma túy trong cốp xe khi Công an bắt quả tang thu giữ là do Huỳnh Văn L cất giấu.

Căn cứ Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 05/5/2022; Bản kết luận giám định số: 373/KL-KTHS ngày 08/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự (KTHS) Công an tỉnh Đồng Tháp. Kết luận: “Tinh thể rắn chứa trong 01 bịch nylon hàn kín quần bên ngoài bằng khẩu R màu xám trắng, được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu PS3, mã số 093912 nêu trên gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 1,617 gam loại Methamphetamine.”, đã đủ căn cứ chứng minh Huỳnh Văn L đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với khối lượng 1,617 gam loại Methamphetamine.

Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Huỳnh Văn L đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) ...;

c) ..., Methamphetamine,... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;...

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

Như chúng ta đã biết, hậu quả của việc sử dụng trái phép chất ma túy gây ra cho xã hội rất nặng nề, nó đang làm hủy hoại sức khỏe của chính người sử dụng, xói mòn sự tồn tại và phát triển của loài người, tàn phá cuộc sống yên vui gia đình của người sử dụng, gây tác hại trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, là nguyên nhân phát sinh tội phạm, các tệ nạn xã hội khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự ổn định và phát triển của xã hội.

Hiện nay, tình trạng tàng trữ ma túy để tổ chức sử dụng và mua bán trái phép trên cả nước nói chung và trên địa bàn thành phố H nói riêng xảy ra ngày càng nhiều với tính chất hết sức phức tạp. Nhằm để ổn định tình hình chính trị tại địa phương, góp phần vào công cuộc phòng chống và ngăn ngừa tội phạm, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về nhân thân của các bị cáo:

Bị cáo Trần Minh T là người nghiện ma túy, có nhân thân xấu, từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Trong thời gian chấp hành cai nghiện thì bị cáo lại có hành vi gây rối và bị xử phạt 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 03/02/2021 bị cáo lại nghiện ma túy và tiếp tục phạm tội. Điều đó thể hiện bị cáo thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện nhân cách, thể hiện bản chất xem thường pháp luật.

Đối với bị cáo Huỳnh Văn L có nhân thân tốt, chưa có tiền sự, tiền án, nhưng do nghiện ma túy và để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Trần Minh T: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội đã thực hiện, bị cáo tự thú về hành vi phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” đã thực hiện trước đó, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1

Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Bị cáo Huỳnh Văn L: Không có.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Minh T đang có tiền án, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo.

Bị cáo Huỳnh Văn L: Không có.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục cho các bị cáo thấy được lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành con người tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Đồng thời, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tội như các bị cáo.

[6] Đối với Phạm Kim R là người sử dụng ma túy chung với T và L, việc sử dụng hoàn toàn do R tự nguyện và không bị đe dọa nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với L và T về tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy, do đó Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[7] Về vật chứng vụ án:

Đối với số lượng ma túy và tài sản liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, gồm: 01 (Một) túi niêm phong ghi “Niêm phong số 387 ngày 06/5/2022” có đóng hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, có các chữ ký ghi họ tên: Võ Thị Thuỳ R, Tạ Hoài Trung, Nguyễn Phong Danh và Huỳnh Văn L, 01 (Một) xe mô tô mang biển số 52L8-3126 loại xe Dream màu nâu trắng, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy và nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp pháp luật.

Đối với các tài sản, gồm: 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA màu xanh đã qua sử dụng, tiền Việt Nam 1.520.000 đồng. Xét thấy, các tài sản trên không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp bị cáo Huỳnh Văn L là phù hợp pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối

với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 255 và khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Minh T phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Trần Minh T 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam: Ngày 07/9/2022.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn L phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ: Ngày 06/5/2022.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) túi niêm phong ghi “Niêm phong số 387 ngày 06/5/2022” có đóng hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, có các chữ ký ghi họ tên: Võ Thị Thuỳ R, Tạ Hoài Trung, Nguyễn Phong Danh và Huỳnh Văn L.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (Một) xe mô tô mang biển số 52L8-3126 loại xe Dream màu nâu trắng.

Trả lại cho bị cáo Huỳnh Văn L: 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA màu xanh đã qua sử dụng và tiền Việt Nam 1.520.000 đồng (Một triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

(Tất cả các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H đang quản lý, theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/10/2022).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Minh T và Huỳnh Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/11/2022). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. H;
- Nhà tạm giữ Công an TP. H;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. H;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thống